

TÍN NGƯỠNG BÀ THU BỒN VÀ BÀ PHƯỜNG CHÀO TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA XỨ QUẢNG

Trần Đình Hằng*

Tóm tắt: Quảng Nam là một địa bàn chiến lược trên con đường đi về phương Nam của người Việt, đặc biệt là nhờ vào vai trò thông thương huyết mạch nối liền núi - biển của sông Thu Bồn, đã làm nên diện mạo đa dạng, phong phú của di sản văn hóa làng xã xứ Quảng. Trong đó, nổi bật tín ngưỡng thờ nữ thần, điển hình là lễ Bà Thu Bồn, lễ hội Bà Phường Chèo, Bà Chợ Được..., mang đậm dấu ấn quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa Việt - phi Việt trên vùng đất bản lề đặc biệt quan trọng này.

Từ lưu ảnh của nghi lễ hiến sinh, tục ăn trâu truyền thống trong đời sống các cộng đồng tộc người thiểu số miền Trung, ghé chông trong lễ Bà Thu Bồn mang nhiều ý nghĩa biểu tượng thiêng liêng cao quý, phản ánh rõ nét nguồn gốc lâu đời của tín ngưỡng thờ Bà Mẹ Xứ Sở Thiên Y A Na với nhiều hóa thân cụ thể ở mỗi một làng quê. Trở thành vị nữ thần tối linh, thống nhất quân hạt giang sơn rộng lớn từ núi đến biển, đặc biệt chú trọng những huyết mạch thủy lộ như sông Thu Bồn, người Việt đã nhanh chóng tiếp cận, từng bước Việt hóa rồi cũng sáng tạo nên những vị nữ thần gốc Việt và khiêm tốn tôn xưng là "em út" trong hình tượng Bà Phường Chèo, Bà Chợ Được, với những hình tượng, hành trạng tương tự, có phần khiêm tốn hơn. Chính cặp đôi song hành trong quan hệ "gia đình hóa" chị - em của các Bà đã trở thành biểu tượng cho quá trình hòa hảo, giao lưu tiếp biến văn hóa trên dải đất miền Trung, mà Quảng Nam là một vùng đất điển hình.

Từ khóa: Nữ thần, Bà Mẹ Xứ Sở Thiên Y A Na, Bà Chúa Ngọc, Bà Bô Bô, Bà Thu Bồn, Bà Phường Chèo, Bà Chợ Được, tiếp xúc văn hóa, giao lưu văn hóa, phi Việt, tiền Việt.

1. Quân hạt từ núi đến biển: Bà Bô Bô bên thủy lộ Thu Bồn huyết mạch

Làng Thu Bồn, nay thuộc xã Duy Tân (Duy Xuyên, Quảng Nam), nằm dọc bờ nam sông Thu Bồn, trong không gian phụ cận của Mỹ Sơn, Trà Kiệu nổi tiếng, sát làng Chiêm Sơn (xã Duy Trinh), nơi có lăng mộ Đoàn Huệ phi thời chúa Nguyễn và Bà Chiêm Sơn - Bà Đá, hay Bô Bô phu nhân (1). Ngôi làng này nằm ngay ở khu vực hợp lưu giữa hai nguồn Thu Bồn và nguồn Vu Gia, hình thành nên dòng sông cái Sài Thị (Chợ Cùi). Xuất phát từ sự chi phối về lưu lượng nước cũng như tầm quan trọng của nó mà về sau, thường phổ biến tên sông Thu Bồn.

Nguồn là một khu vực trung gian trao đổi xuôi ngược giữa miền núi và đồng bằng dọc các dòng sông, được nhà nước phong kiến đặc

biệt chú ý quản lý. Bổ sung vào đó là sự hiện diện, vai trò nổi của các đơn vị *Tuần, Bảo*, để tăng cường quản lý và thu thuế thông thương trao đổi. Sông Thu Bồn nổi tiếng với sứ mạng kinh tế đặc biệt là chuyên chở các nguồn hàng lâm thổ sản trên phía thượng nguồn, nối liền với khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên bao la rộng lớn, trở thành hậu phương vững mạnh cho cảng thị Hội An vươn ra tầm quốc tế, từ đầu Công nguyên, và nhất là sự phục hưng trở lại dưới thời các chúa Nguyễn. Giao thương xuôi ngược nhộn nhịp trong lịch sử được dân gian lưu truyền phổ biến qua câu ca nổi tiếng:

Ai về nhẩn với nậu nguồn

*Mãng le (mít non) chở xuống, cá chuồn
chở lên.*

Với vị trí thuận lợi trong giao thương và phát triển nông nghiệp nên vùng ven sông Thu Bồn đã có sự hiện diện khá sớm của người Việt, ở phía nam châu Ô, kể từ sau sự kiện hôn nhân lịch sử của Huyện Trân Công chúa

* TS. Phân Viện Văn hoá Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế.

(1306). Bức tranh làng xã, được ghi nhận từ thế kỷ XVI qua *Ô Châu cận lục* (2). Đến cuối thế kỷ XVIII, thế kỷ XIX, làng xã nơi đây đã mở mang nhiều (3). Thu Bồn là một trong 30 xã thôn của tổng Mậu Hoà Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, bên cạnh những làng xã nổi tiếng trong vùng như Mậu Hoà, Chiêm Sơn, Mỹ Xuyên, Trà Kiệu, Thạch Bàn... (4).

Trong lịch sử, do tác động nghiệt ngã của thiên tai địch họa, hệ di sản văn hóa làng xã bị mai một nhiều. Cho nên, sự hiện hữu của miếu Bà Bô Bô - Thu Bồn ở đây với đầy đủ lễ thức, nghi tiết... càng khẳng định rõ tầm vóc ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng của tín ngưỡng nữ thần trong đời sống cộng đồng. Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy đây là biểu hiện cô đọng nhất, điển hình nhất của Bà Bô Bô - Bà Mẹ Xứ Sở vốn hiện hữu phổ biến trong đời sống cư dân dọc lưu vực sông Thu Bồn, có quan hạt rộng lớn từ Núi Chúa (5) ra đến tận Cù Lao Chàm (6). Đến thời Tự Đức thì “Đền Bô Bô Phu nhân, ở xã Thu Bồn, phía tây huyện Duy Xuyên. Thần hiệu là Bô Bô Phu nhân. Triều Nguyễn phong là Trung đẳng thần, thường có linh ứng” (7).

Từ lăng Bà Thu Bồn, theo Tinh lộ 610 dọc theo sông Thu Bồn khoảng 7,9km, sẽ đến lăng Bà Thu Bồn ở Phường Rạnh (Thôn Trung An, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn), có miếu thờ nơi Bà Thu Bồn tử trận - trước khi dòng sông Cái đưa bà về với làng Thu Bồn, được dân làng thiết trí lăng mộ, tự miếu.

Trong tín ngưỡng thờ nữ thần, phổ biến truyền tụng kết cấu Bà vân du - dừng lại ở nhiều nơi, tạo phúc giúp đỡ/giáng họa trừng trị. Làng Thu Bồn trong mối tương quan với các làng xã cận cư, được mô hình hóa thành những “tam giác vàng” như Thu Bồn - Mỹ Sơn - Núi Chúa, Thu Bồn - Phường Rạnh - Núi Chúa, hay Thu Bồn - Phiếm Ái - Núi Chúa v.v... Qua nhiều tài liệu thư tịch lẫn khảo sát thực địa, có thể nhận thấy sự hiện diện mật tập phổ biến và ảnh hưởng sâu rộng, to lớn của Bà khắp xứ Quảng, đặc biệt là

các làng xã dọc lưu vực sông Thu Bồn. Nếu như ở bắc Hải Vân, người Việt đã rất năng động, hữu hiệu trong quá trình Việt hóa các vị nữ thần bản địa phương Nam thành những vị thần bảo hộ cho cộng đồng cư dân Việt di cư, từ Cô Gái Áo Xanh ở Ái Tử (Quảng Trị) cho đến Bà Trôi Áo Đỏ ở Thiên Mục (Huế) (8), thì ở vùng phía nam Hải Vân, cũng có nhiều nét tương tự khi khảo sát về tín ngưỡng Bà Thu Bồn. Ở đây, cần nhấn mạnh quá trình Việt hóa mang nhiều dấu ấn đặc trưng, từ truyền thuyết cội nguồn đến qui trình lễ nghi, phẩm vật cúng tế.

2. Truyền thuyết về nguồn gốc Bà Bô Bô làng Thu Bồn

Qua kết quả khảo sát thư tịch, điền dã thực tế tại địa phương, tiếp xúc phỏng vấn hỏi cố với nhiều vị cao niên, chúng tôi nhận thấy có nét tương đồng căn bản trong nội dung nguồn gốc, phẩm chất cao quý và sự hiện diện phổ biến của Bà trong đời sống làng xã. Tất cả, trở thành nguồn chất liệu quý giá để định hình nên nghi lễ cúng tế đặc trưng - tín ngưỡng Bà Thu Bồn nổi tiếng khắp vùng xưa nay.

Từ xa xưa, ở làng Thu Bồn có gia đình giàu có nọ, sinh hạ được một người con gái. Điểm lạ là từ lúc lọt lòng mẹ, cô bé đã có mái tóc dài ngang lưng, hàm răng trắng, nước da trắng như sương, với khuôn mặt đẹp tựa thiên thần. Đặc biệt, cô chỉ cười mà không hề khóc khi chào đời. Tin lạ nhanh chóng lan truyền, mọi người xa gần nô nức kéo đến xem để thỏa trí tò mò. Cho đến 5 - 7 tuổi, như thiên bẩm, cô đã có khả năng đặc biệt dùng các loại thảo mộc chữa bệnh cứu người và gia súc. Tiếng lành đồn xa, người ta tìm đến nhờ cô chữa bệnh ngày càng đông. Cô chi hết mình giúp đời, không hề nhận lấy chút tiền công hay lễ vật mọn nào. Đến tuổi thanh xuân, cô vẫn mãi mê cứu người độ thế, bỏ qua mọi lời cầu hôn của các bậc thế gia vọng tộc.

Đến năm 50 tuổi, Bà qui tiên đứng vào trưa ngày 12-2 âm lịch. Dân làng tuân thủ di nguyện của Bà, không dùng vải vóc khâm liệm

mà chỉ dùng cỏ cây, hoa lá thiên nhiên, quan tài tại đình làng suốt cả tuần, hương lý chức sắc và các vị bô lão trong làng thường xuyên túc trực khói hương. Đến đêm thứ bảy, khắp đình làng dâng trào hương thơm ngào ngạt và bỗng nhiên, nắp quan tài mở tung nhưng bên trong chỉ ngập tràn hoa sứ, không có thi thể Bà. Dân làng cung nghinh cỗ quan tài về thờ phụng, xây dựng lăng mộ to lớn, thiêng liêng, kính cẩn tôn xưng “đình” - để đền đáp, tưởng nhớ công lao to lớn của Bà lúc sinh thời cũng như sự linh hiển của Bà sau khi mất (9).

Dân gian cũng lưu truyền một truyền thuyết khác, cho Bà vốn dòng thế phiệt trâm anh: là con gái/nữ tướng của vua Chăm, hoặc con gái/nữ tướng của vua Lê Thánh Tông. Nguồn gốc xuất thân khác nhau, có điểm chung thống nhất là Bà có mái tóc đẹp, rất dài. Trong chiến cuộc căng thẳng, quân của Bà trong chiều hướng thất thế phải rút quân, đến làng Thu Bồn, hay qua Phường Rạnh, mái tóc dài vướng vào cây làm Bà ngã ngựa (gốc Việt), hay ngã voi (gốc phi Việt). Bà tử tiết và hiển linh, trở thành vị nữ thần linh thiêng, đầy quyền uy, bảo bọc cho các cộng đồng cư dân làng xã ven sông Cái, đặc biệt là ở làng Thu Bồn và Phường Rạnh - sinh quán và nơi tử nạn của Bà.

Có nhiều truyền tích, truyền thuyết, giai thoại đề cập đến sự hiển linh của Bà. Đó là hoá thân của vợ, hay con gái đồng trinh của một vị tướng hay vua Mây, vua Lôi, vua Chăm, vua Việt... Phường Rạnh là sinh quán, hay là nơi Bà tử trận. Bà ngã xuống bên sông Thu Bồn và theo dòng nước, Bà về bến sông làng Thu Bồn với thi hài tràn ngập hương thơm. Nhân dân kính phục, tổ chức an táng, thiết trí lăng mộ, miếu thờ qui mô, thiêng liêng, với đầy đủ y phục, voi, ngựa, người hầu, nghi trượng, pháp khí...

Cần chú ý đến thân thế của Bà gắn liền với vua Mây, vua Lôi, vua Chăm... mang dáng dấp bản địa, “phi Việt” phương Nam. Qua khảo sát phỏng vấn, có thể thấy sự xuất hiện

và lặp lại điều đó với tần số cao, nhất là trong ký ức các bậc cao niên. Cụ Lâm Văn Tiến khẳng định về truyền thuyết Bà Bô Bô. Hơn nữa, cụ cũng không quên truyền thuyết thứ hai về Bà: “Bà là một nữ tướng con vua Mây, người Chăm, trong chiến trận, do tóc dài, khi đi ngựa...,” (Phỏng vấn tại gia đình cụ Tiến, ngày 5-3-2009). Trong câu chuyện kể, ông còn lưu ý đến việc người ta cho rằng bà chết ở Phường Rạnh, nên được dân làng lập miếu thờ, sau xác Bà trôi về đến địa giới làng Thu Bồn. Dân làng đưa rước, cử hành tang lễ và lập dinh miếu thờ Bà. Cụ Nguyễn Mười khi trao đổi cũng khẳng định: “Bà là một nữ tướng thời vua Mây. Bà chiến đấu và bị thương ở phường Rạnh, sau đó thì mất, xác trôi về bến sông làng Thu Bồn” (Phỏng vấn tại gia đình cụ Mười, ngày 7-3-2009).

Trong *Thần tích thần sắc* (Hội Folklore Đông Dương khảo sát về văn hóa làng xã Quảng Nam những năm 1937 - 1942), cũng có nhiều thông tin hữu ích, khẳng định cơ sở tồn tại của những giai thoại, truyền thuyết về nguồn gốc của Bà. Các bản điều tra cho biết nơi đây thờ Bà Thu Bồn, được tôn xưng thiêng liêng với tước vị *Bô Bô Đại Đức phu nhân*. Hơn nữa, “theo truyền khẩu, đây là một nhân thần. Người ta kể lại rằng có một công chúa đồng trinh của vua Champa tên là Bô Bô, cưỡi voi xông trận. Người và voi băng qua một dòng/khe suối nhỏ...” (10).

Các vị bô lão ở làng Thu Bồn cho biết người ta đã tìm thấy một ngôi miếu được xây dựng đơn sơ, phen được lợp bằng loại phen trấu ở bên trên, nhằm che chở một ngôi mộ bằng đất bị bào mòn, bao quanh là một tường thành xây. Hiện trạng đó cho thấy khu miếu này có vẻ đã được xây dựng từ nhiều thế kỷ trước, để cung hiến cho một vị nữ thần được tôn xưng là Bà Bô Bô, tất cả được che phủ bởi một cây đa cổ thụ um tùm, làm cho người ta phải kính cẩn (11).

Theo cụ Thái Văn Lịch, Trịnh Kim Duy thì xưa nay, dân gian phổ biến quan niệm Bà không phải là người Việt mà là con gái/vợ của vua

Mây, vua Lôi của người Chăm (Phòng vấn tại gia đình cụ Lịch, ngày 10-3-2009). Bản văn tế chữ Hán trước đây trong nghi lễ chánh tế tại Lăng Bà vẫn thường cung nghinh các vị thần “vua Mây, chúa/vua Lôi”, cùng “Chù Ngung Man Nương chi thần”. Tiếc là trong bản văn tế tại lăng Bà Thu Bồn hiện nay (như bản tế văn năm Kỷ Sửu - 2009, Canh Dần - 2010), không thấy đề cập đến các vị thần đặc biệt này.

Qua khảo sát thực địa, chúng tôi đã được ông Thái Văn Lịch cung cấp cho một bản văn tế *Kinh tiến kỳ an hiệp kỳ Tiên hiền*, vốn bằng chữ Hán, được người anh của ông để lại và trước khi qua đời, đã kịp phiên lại bằng chữ Quốc ngữ để bà con tiện sử dụng. Riêng bản chữ Nho đã rách nát hết, không thể đọc được, được lưu giữ tại nhà ông Cao Đình Ba.

Điểm quan trọng cần chú ý ở đây là trong nội dung bản văn tế, có sự cung nghinh thờ tự các vị thần linh bản địa đặc biệt quan trọng, là các vị “vua Mây, chúa/vua Lôi tôn thần”, và “Chù Ngung Man Nương chi thần”. Văn tế tại Lăng Bà Thu Bồn năm Đinh Hợi (2007) cho thấy sự quan tâm đặc biệt với các vị thần được cung nghinh, thờ cúng tại đây, bao gồm:

- Sắc chi Bô Bô Phu nhân tôn thần, Hộ quốc, tí dân hiền hữu công đức, tiết mông ban cấp sắc phong, gia tặng Mỹ Đức Thực Hạnh Mặc Phủ Hiền Tướng Dực Bảo Trung Hưng Thượng Đẳng Thần.

- Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa Ngọc, gia tặng Hồng Huệ Phổ Tế Linh Cảm Diệu Thông Mặc Tướng Trang Huy Dực Bảo Trung Hưng Hộ Quốc Tỳ Dân Thượng đẳng thần.

- Phiếm Ái châu Đại đức phu nhân tôn thần vị tiên.

- Sơn Thủy Ngũ Hành tiên nương Thượng đẳng thần.

- Bà Ngũ Hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ đức thánh phi tôn thần)... (12)

Khảo sát của Hội Folklore Đông Dương hồi đầu thế kỷ XX cho biết một số thông tin

cụ thể về phẩm cấp của vị nữ thần Bô Bô ở làng Thu Bồn theo điển chế phong kiến bởi đương thời, làng Thu Bồn vẫn bảo lưu được 08 sắc phong (13):

- Sắc phong thời Minh Mạng ban cấp cho vị nữ thần là *Bô Bô Phu nhân tiết mông ban cấp Mặc phủ Hiền tướng Trung đẳng thần*.

- Sắc phong của các triều Thiệu Trị, Tự Đức, Thành Thái, Duy Tân về cơ bản vẫn y *cựu phụng sự* (thờ cúng như cũ).

- Cho đến sắc phong thời Khải Định (Giáp Tý - 1924), Bà được thăng hàm Thượng đẳng - *Bô Bô Phu nhân Tư nguyên Trang huy Thượng đẳng thần* (14).

Cũng từ một bản điều tra thông tin tương tự đương thời, bản trả lời của ông Bùi Nghĩa còn cho biết bà Bô Bô ở làng Thu Bồn còn là bạn với bà Thiên Y A Na Chúa Ngọc lúc sinh thời. Cho nên gần sát bên miếu Bà Bô Bô còn có sự hiện diện của một ngôi miếu thờ Bà Chúa Ngọc (15). Sự hiện diện chính thức của Bà Chúa Ngọc nơi đây là chứng lý rõ ràng nhất cho việc khẳng định giả thiết về sự hiện diện của hai miếu Nhị vị công tử (Cậu Quý, Cậu Tài) ở khu vực phía trước lăng Bà Thu Bồn.

Những thông tin thu thập được dù còn rời rạc, thiếu mạch lạc... nhưng nội dung xuyên suốt vẫn trùng khớp với kết quả từ cuộc điều tra của Hội Folklore Đông Dương đầu thế kỷ XX. Ngoài sự xuất hiện chính thức, đồng thời như một hóa thân, hay hiện hữu bên cạnh theo phương thức Việt hóa từng bước hình ảnh Bà Mẹ Xứ Sở Thiên Y A Na - Bà Chúa Ngọc, đời sống tinh thần của cư dân Quảng Nam đôi bờ sông Thu Bồn còn có sự gắn kết theo phương thức “gia đình hóa” các mối quan hệ giữa các vị nữ thần linh hiển trong vùng, đáng lưu ý là ở hình tượng “cô em út” Bà Phường Chèo ở Đại Lộc, bên kia sông Thu Bồn: Cô Cù, nổi tiếng với danh xưng Bà Phường Chèo, gốc gác và nổi danh từ làng Phiếm Ái, con cháu của dòng họ Nguyễn, thường gọi là ông Thủ Hóc. Suốt thời thơ ấu, cô ta không thể rời khỏi giường... (16).

Phổ quát hơn, lệ tục và quan niệm dân gian còn gắn kết, bình dân hóa các mối quan hệ gần gũi giữa các trung tâm tín ngưỡng, tạo nên sức sống dân gian bền chặt, thiết thực và hữu hiệu. Bà Bô Bô còn có mối quan hệ hôn nhân với ngài Cao Các Đại vương ở làng Bình Yên, không xa Thu Bồn về phía thượng lưu. Cả hai làng đều có những thuyền đua, lễ cưới đặc biệt này được công nhận bởi “Tiền Chèo” với một con bò mộng làm sinh lễ dâng cúng các vị thần, mong giảm thiểu nguy hại, tác động xấu đến đời sống vật chất của người dân, hoặc nhân mạng. “Tiền Chèo” trong bối cảnh đó, được hoãn lại bởi một cô gái trẻ đẹp ở bến đò Tuần, rồi một người trai trẻ trong làng đứng ra giới thiệu những giải thưởng của cuộc đua. Số tiền đó, với con bò mộng, là tặng phẩm cho làng. Tất cả đều được diễn ra ở khu vực “Đông Ngang” (17).

Dù tất cả được ràng buộc bởi quan hệ gia đình hay hôn nhân thì kết quả khảo sát cũng đều nổi bật vai trò trung tâm của khu vực làng Bà Thu Bồn. Từ đầu thế kỷ XX, có thể thấy rất rõ ràng rằng trên địa bàn Quảng Nam, nhất là dọc lưu vực sông Thu Bồn, từng có nhiều ngôi làng thờ Bà (18) và đặc biệt, hầu như những làng đó đều phải đến làng Thu Bồn để thỉnh bát hương (19).

3. Dấu ấn đặc trưng trong đời sống nghi lễ

Theo lệ tục truyền thống, dân làng dâng cúng Bà vào ngày 12-2 và 5-5 âm lịch, với những phẩm vật quen thuộc như heo, bò, trâu, nghi lễ hát bội... Vị chủ tế được chỉ định sau mỗi lần tổ chức nghi lễ. Tuy nhiên, từ những năm chiến tranh, do chịu tác động của nhiều điều kiện kinh tế - xã hội mà đến nay, lệ Bà Thu Bồn chỉ được tổ chức duy nhất hằng năm, trong hai ngày 11 - 12/2.

Từ không gian rộng lớn, với sự hiện diện của khu lăng mộ, tấm bia đá Champa..., có thể hình dung đến qui mô cũng như không gian thiêng liêng, u tịch của khu lăng Bà Thu Bồn xưa. Theo kết quả khảo sát đầu thế kỷ XX thì khu vực xa lạ và thật phi thường này,

ngày càng có nhiều người biết đến. *Hội của những tín hữu* (Société d'adoration) sớm được thành lập, gồm những người có học, các vị bô lão, người giàu có, hương lão trong làng... để quan tâm trùng tu ngôi miếu, thay mái ngói và sửa sang bờ tường, làm long đình - ngai mạ vàng, một bàn thờ, bộ lễ bộ, nơi để lễ vật dâng cúng, sắc phong của triều đình, bốn con ngựa nhô bằng đất và trên những hàng cột là những chiếc nón. Hàng mã được dâng cúng bởi những người tham dự, sắc bằng vua ban tặng được giao phó bảo quản tại nhà Thủ sắc. Trong lăng Bà không thấy nói tới việc thiết trí tượng thờ mà chỉ có bài vị Bô Bô Phu Nhân.

Nghé chông là phẩm vật dâng cúng rất đặc biệt. Ngoài ra, trong những lễ vật dâng cúng, trâu từng xuất hiện phổ biến, có khi có tới ba con trâu được dâng cúng bởi những gia đình khác nhau, đại diện từ ba nhóm cộng đồng dân cư trong làng là *họ Cà* (những gia đình giàu có, có học thức), *họ Đông Canh* (đông đảo bà con trong làng) và *họ Tư Chánh* (đại diện các cá nhân khác của những làng phụ cận). Ngoài ra, mỗi dòng họ đều có mâm phẩm vật dâng cúng lên Bà, do tộc trưởng đại diện (20).

Lễ vật dâng cúng các vị thần linh phổ biến trong đời sống dân gian người Việt là hương đăng, hoa quả, trầm trà, cau rượu cùng những vật phẩm tinh sạch, tôn quý trong đời sống thường nhật. Ở mức độ đặc biệt quan trọng, nhấn mạnh tính thiêng liêng, quý giá, phải thiết trí tam sanh: trâu/bò, heo, dê ở qui mô lớn; hay chỉ là bò, heo, gà ở qui mô nhỏ, thậm chí có thể chỉ là tợ thịt của con sinh với tính biểu tượng, cùng thú, vĩ, nội tạng (đầu, đuôi, nội tạng).

Đáng chú ý là xưa nay, dù ở hoàn cảnh nào, thì phẩm vật cúng tế tối thượng luôn được đặc biệt coi trọng là nghé chông, có khi phải chọn lựa suốt hàng tháng trời. Tham chiếu giá trị và ý nghĩa biểu tượng của phẩm vật trong nghi lễ hiến sinh, mới thấy hết giá trị của nghé chông cũng như sự giao thoa, tiếp biến văn hóa Việt - phi Việt. Nghé chông trong vai trò là con vật hiến sinh thiêng liêng, quyết định sự thành công viên mãn của lễ nghi, trực tiếp tác động đến khả

năng hiện thực hoá khát vọng cầu mùa, tín ngưỡng phồn thực của bà con trước Bà. Nghé đực mới hội tụ đầy đủ sinh lực mạnh mẽ, tinh khiết trong sứ mạng cao cả của nghi lễ hiến sinh, với khát vọng phồn thực, cầu mùa. Sau khi tế sinh, con sinh không luộc chín mà phải để sống nguyên con, được chông theo tư thế quì chân trên bàn chông bằng tre.

Từ xưa, dân làng đã sớm diễn chế hoá tiêu chí chọn lựa nghé chông: con nghé ở độ tuổi trưởng thành, sẽ là “trâu cày” thực sự; Nghé phải đẹp, khoẻ mạnh, sừng đều và có độ cong hài hoà, màu sắc đen nháy, không bị sứt mẻ hay dị tật; bộ lông đen mượt, tối kỵ những xoáy xầu trên trán, khoe tai, lưng, phía sau mông... Nghé chông phải có đuôi dài, thẳng, chòm lông dài và đen, mượt; tứ chi và nhất là các bộ phận sinh thực khí khoẻ mạnh, không tỉ vết, dị tật.

Lễ vật chính yếu trong đại lễ chánh tế, ngoài bàn chông, còn có bàn lợn quay và những mâm xôi, cùng gà, vịt, quả phẩm, bánh trái. Lễ vật chủ đạo là nghé chông phải do toàn thể dân làng lòng thành đóng góp, còn lại những mâm lễ vật quan trọng khác, đều do các gia tộc, con dân trong làng, các tổ chức, cá nhân hành hương khắp nơi đến dâng cúng Lệ Bà. Với nghé chông, phải để sống nguyên cả con sinh lúc cúng tế, chỉ có bộ nội tạng và huyết là được luộc chín. Tất cả được đặt trong một rổ lớn, bên cạnh, nhích về phía trước, bên phải nghé chông.

Sau khi tế sinh, người ta làm sạch và để nguyên bằng thịt sống, dùng huyết tươi bôi lên toàn bộ bề mặt, đặt trên một bàn tre được làm chắc chắn, theo thể hai chân trước quỳ lên phía trước, hai chân sau thông xuống phía dưới. Hai bên con sinh là nơi thiết trí những con sinh hay phẩm vật khác. Khi tế sinh, phải lấy toàn bộ dải thịt lườn, bao gồm cả phần đầu của sinh thực khí - nhưng vẫn để lại nguyên hạ bộ, trải dài trên lưng con sinh theo đúng thứ tự, phơi cả sinh thực khí.

Khi tế sinh, có một vị trí rất đặc biệt nằm giữa u cổ và đùi trước, về phía bên trái của

con sinh - theo các vị bô lão, dễ dàng đi trực tiếp vào tim. Đó là một vết cắt, khoét sâu, hình tròn, có đường kính khoảng 7 - 9cm, chính tâm gắn một cây tre nhỏ vót nhọn tựa như ngọn giáo, với ý nghĩa lưu ảnh rõ nét của nghi lễ đâm trâu. “Vị trí vàng” đó là nơi lý tưởng cho ngọn giáo của tráng đinh thiện xạ nhanh chóng chính xác kết thúc nghi lễ đâm trâu. Các cụ còn cho biết trước đây trong Lệ Bà Thu Bồn, vẫn hiện diện một xuống (tô lớn) huyết sống, đặt sát cạnh con sinh, về phía bên phải.

Xem xét ý nghĩa của máu trong nghi lễ hiến sinh, với khát vọng phồn thực (trừ tà, cầu mùa), có thể thấy đã có sự biến chuyển hình thức từ huyết tươi cho đến một phần được luộc chín. Trong đời sống nghi lễ người Việt vùng Huế hiện nay, hầu như không thấy xuất hiện máu tươi, trừ duy nhất trong nghi lễ tạ thổ thần chôn lãng mộ, thì ở đây, huyết tươi vẫn hiện diện chính thức khi bôi máu sống con sinh để cúng Bà.

Trong đời sống lễ nghi, thủ (đầu), vĩ (đuôi), nọng (thớ thịt ngon nằm ở cổ của con sinh) là những phẩm vật thiêng liêng, mang đậm giá trị tâm linh và biểu tượng, phản ánh sâu sắc trật tự lễ nghi theo chuẩn mực của cả cộng đồng. Sau nghi lễ, phẩm vật cao quý này được “kinh” (dâng tặng, ban tặng) cho những người có phẩm hàm danh giá trong cộng đồng (thủ chỉ, chánh bái...). Khi nghi lễ chánh tế gần kết thúc, vị điển lễ kính cẩn bước tới sát con sinh, dùng dao tách tờ thịt đặc biệt đó, đặt vào đĩa trên bàn thờ, để lãng “kinh” vị chánh bái trong sớm mai, bắt đầu Lệ Bà.

Thiêng liêng hơn, từ đây toàn bộ phẩm vật dâng cúng sau khi được Bà ngự hưởng, sẽ ban lại cho toàn thể dân làng và du khách hành hương hưởng “lộc Bà”, với bao khát vọng cầu may - an - tài lộc, tẩy trừ xui xẻo, bất an. Vì vậy mà theo phong tục tập quán, việc phân hiến “lộc Bà” ngày trước theo đúng lễ nghi truyền thống rất được chú trọng, cho càng nhiều người hưởng càng tốt.

4. Bà “em út” Phường Chèo mang đậm yếu tính Việt

Chính trong bối cảnh này, đã định hình nên một nữ nhân thần mới từ phía bờ bắc sông Thu Bồn và cũng vân du, lan tằm ảnh hưởng về phía nam: Bà Phường Chèo - Phiếm Ái - Bà Chợ Được.

Có lẽ tín ngưỡng Bà Phường Chèo xuất hiện sớm và nhanh chóng lan truyền, thực hành phổ biến trong dân gian nhưng phải đến đầu thế kỷ XX, mới được văn bản hóa qua *Thần nữ linh ứng truyện* (21). Như vậy, có thể thấy dạng thức giáng hạ, thăng thiên, vân du khắp chốn và về sau được văn bản hóa tín ngưỡng thờ nữ thần khá phổ biến, tương tự như Văn Cát Thần nữ miền Bắc và Thiên Y A Na ở Khánh Hòa.

Tín ngưỡng thờ nữ thần rất thịnh hành ở Quảng Nam, “đó đều là anh thư vĩ tích rạng rỡ trong nhân hoàn” cho nên tác giả muốn “Quay lại tìm những chuyện cũ, trước thời Trung Hưng có rất nhiều. Niên kỉ đã xa khó có thể biên chép, còn niên kỉ gần đây sao lại để khiếm khuyết” để cho ra đời tác phẩm.

Nữ thần là người họ Nguyễn, húy Cùa, ở châu Phiếm Ái, sinh ngày 20-2 Canh Thân - Cảnh Hưng thứ 39 triều Lê (22). Cha là Nguyễn Trí, làm quan triều Lê, sau thăng đến Đặc Tấn Tòng Đại Phu. Mẹ là Cung nhân Trịnh Thị Tinh và nữ mẫu Đoàn (húy Đoàn) thay mẹ dạy bảo. Hai ông bà có nhiều con, gia đình ngày càng khá giả, nữ thần được sinh ra, có “dung hạnh khác thường” và nhiều điềm dị thường, như “Tính thích sạch sẽ, áo quần may xong phải giặt xong mới mặc, rất thích màu đỏ. Thịt mua ở chợ đã có người mua trước không ăn” v.v... Năm Gia Long Đinh Sửu (1817), vừa đến tuổi cập kê thì xuất trần, đến ngày 19-11 du tiên. Mai táng xong, có một con trâu húc vào thân mộ, lăn đùng ra chết nên dân làng cho là điềm khác lạ. Ông chủ bái lại nói đó chỉ là ngẫu nhiên, không coi là linh hiển, thì lập tức thấy đau đầu rồi sớm qua đời.

Thần nhập đồng nói rằng: “Ông đó bắt kính với ta mới bị như thế”. Từ đó hiển linh, phò trợ dân lành, trừng trị kẻ ác, như chuyện trừng trị tên Cai hay trêu gái nhà lành, tên Nguyễn Thuần buôn nước mắm, cứu Lê Hùng lúc đi buôn bán trên thuyền tận Hà Nội, dạy bảo lễ nghĩa cho cháu Nguyễn Thực v.v...

Linh mộ bà trước táng tại đất xã Phiếm Ái, đến năm Thành Thái 10 (1998), Đốc Bộ đường Quảng Nam là Nguyễn Công Thượng thấy sông Ái Nghĩa xói lở nguy cấp nên xin dời đến gần đất xã Phước Yên. Khi khai quật vẫn thấy đất trong mộ có đủ ngũ sắc, thi thể còn nguyên, dưới cằm có chuỗi ngọc màu trắng bao quanh thân dung. Dời mộ xong, thần nhập đồng cốt, sai cháu là Nguyễn Thực dùng cau trầu rượu để cắm tạ hương nhân. Đến năm Bình Ngô (1904), Tổng đốc Quảng Nam Hồ Đắc Đệ cùng Bố chánh sứ Hồ Đắc Triệu làm huyện doãn Đại Lộc, đã lưu tâm khuyến khích viên hào trong huyện quyên cúng tiền để tu tạo thân mộ, từ mộ đất được tu sửa với quy cách mới, thân mộ tráng lệ, càng thêm sùng kính.

Từ năm Tự Đức thứ 5 (Nhâm Tý - 1852), Bà vân du đến Phước Âm (tên cũ là thôn Phước Toàn, được đổi tên từ Kiến Phúc nguyên niên - 1884), thấy còn hoang vu, dân cư thưa thớt nhưng phong cảnh hữu tình, liền có ý muốn tự nhân lập chợ. Do người mua bán tập trung tại chợ Trà, bị cách trở đồ ngang qua về giao dịch nên một ngày, thần nhập đồng tự xưng cô phường Chèo và họ tên, lập nên ngôi chợ, được định danh chợ Bà hoặc chợ Được. Để mang lại lợi ích lâu dài, trong xã liền phát cỏ rậm, dựng quán xá buôn bán, dần dần thành chợ như nguyện ước của Bà, biến nơi đây thành một nơi đô hội, nổi bật với thuyền cầu đông đúc, nhà cửa nối dài.

Sau khi lập chợ, thần nhập đồng chỉ nơi lập miếu. Dân làng kính cẩn tôn vinh thần, đến đó lễ cầu cúng thì mọi việc đều được như nguyện, dân an vật thịnh, thương nhân trong vùng bèn quyên cúng lập miếu, có thiết cúng tiệc ca, các

khảo tế lệ. Hàng năm đến ngày 25-2 là ngày lễ giáng sinh của thần, ngày 19-11 là ngày thần tắm hoá, còn trong chúc văn tế thần có phụ tế cả cha, mẹ và mẹ nuôi của Bà.

Lệ cúng ca được tổ chức hàng năm vào ngày 12 tháng Giêng, sau đó đổi thành 3 năm một lần. Trước khi cúng ca một đêm, bày khám phụng cung nghinh thần vị đi quanh trong chợ. Mọi nhà buôn đều nô nức treo đèn, thiết án, xông hương, đốt pháo, nói liền rạng rỡ, đều xem đó là thịnh sự. Người xem đứng yên không ồn ào, sự linh thiêng của thần khiến mọi người ngưỡng vọng.

Chính sự linh hiển đó mà đến tháng 3 năm Thành Thái thứ 6 (1894), xã dân Phước Âm có đơn tâu và ngày 20-9, được triều đình ban tặng *Sắc thần nữ linh ứng Nguyễn thị tôn thần, trú phong Trai thực Dự bảo Trung hưng Trung đẳng thần*. Năm 1896, miếu thờ ở Phiếm Ái cũng được ban tặng sắc phong.

5. Vấn đề giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt - phi Việt ở Quảng Nam trong tín ngưỡng thờ nữ thần

Trên dải đất miền Trung từ nam Hoàn Sơn, sự linh thiêng, huyền diệu của Bà Mẹ Xứ Sở luôn bao trùm mọi làng quê, vùng miền, xứ sở, suốt từ miền biển, qua đồng quê cho đến tận miền núi non, sơn cước. Dấu ấn đặc trưng nơi đây là hình ảnh Bà Mẹ Xứ Sở rộng lớn bao la đó đã được chính người dân làng Thu Bồn Việt hoá một cách tài tình, tinh tế mà gần gũi, thiết thực ngay từ danh xưng, truyền thuyết: Bà Thu Bồn, của/ở làng Thu Bồn. Lệ Bà chính là toàn bộ qui trình lễ nghi truyền thống nhằm tôn vinh, thờ phượng Bà của người dân Thu Bồn nói riêng, của cộng đồng các làng xã dọc lưu vực sông Cái nói chung, có tầm ảnh hưởng sâu xa, rộng khắp trong vùng.

Lăng Bà Thu Bồn trong bối cảnh văn hóa Quảng Nam nói chung, hay tiểu vùng văn hóa dọc lưu vực sông Thu Bồn nói riêng là một điểm thiêng mang đậm dấu ấn giao lưu văn hóa Việt và phi Việt, trở thành điểm đến mang

tính vệ tinh hữu cơ gắn liền mật thiết với dòng sông Cái - sông mẹ Thu Bồn, thánh địa Mỹ Sơn, trung tâm Thánh Mẫu Trà Kiệu, Dinh Bà Chiêm Sơn, lên đến tận Núi Chúa, hay ra mãi Hội An, Cù Lao Chàm..., như chính tính chất mở của con người và văn hóa Quảng Nam.

Trên con đường đi về phương Nam, người Việt đã tích hợp, chuyển hóa một cách phù hợp, tài tình, xóa nhòa lẫn ranh bất tương đồng có nguy cơ gây sốc rất lớn khi dung hợp hai yếu tố chính yếu là *Bốn thổ* của Bà Mẹ Xứ Sở (Ấn Độ hóa) và *Thành hoàng* của Ông Thành hoàng (Hán hóa) để làm nên *Bốn thổ Thành hoàng* đầy phiếm xưng. Một chất xúc tác và cũng là phong nền căn bản trong bối cảnh đó, chính là hình ảnh của các vị nữ thần phương Nam, đặc biệt, và đứng đầu là Bà Mẹ Xứ Sở Poh Iu Nagar, tiếp đến là các vị nữ thần địa phương, hay cũng có thể chính là hóa thân của Bà trên địa bàn mỗi một ngôi làng, hay góc xóm, mảnh đất cụ thể.

Minh họa cho vấn đề này là sự hiện diện phổ biến, mật tập và ảnh hưởng to lớn của các vị nữ thần trên địa bàn Quảng Nam: Bà Thu Bồn ở phường Rạnh (Quế Sơn), Bà Thu Bồn ở làng Thu Bồn (Duy Xuyên), Bà Phiếm Ái ở Đại Lộc, Bà Chiêm Sơn, Bô Bô đại vương ở Cù Lao Chàm, thần Thạch Cảm Đương ở làng Thanh Quýt, Bà Diêm Phố ở Tam Kỳ, Bà Chúa Ngọc làng Phong Thử... “Người ta thờ cúng nhiều vị nữ thần đến mức độ kỳ lạ... trong một tần số được nhấn mạnh với cái tên Bà Đá, Bà Lồi, Bà Ngọc, Bà Thái Dương”, thậm chí nhiều pho tượng, linh vật giống đực, vẫn được thờ cúng dưới danh xưng Bà Lồi (23). Pho tượng Bà Chiêm Sơn hiện nay đã được Việt hóa rất nhiều, chỉ ít cũng nhờ khả năng sơn phết để biến thành một Phật Bà Quan Âm nhưng xung quanh lại được bảo bọc, nâng đỡ bởi bảy rắn thần Naga. Tuy nhiên, điểm đặc biệt cần chú ý ở đây là tước vị của Bà, được ban tặng từ thời Nguyễn, vẫn là *Bô Bô Kỳ Thạch Phu nhân*.

Kết quả khảo sát của Hội Folklore Đông Dương về đời sống văn hóa làng xã Quảng Nam những năm 1940 - 1944 cũng cho biết nhiều thông tin quan trọng: bà Thiên Y được thờ ở làng Văn Quật, Phú Xuân (Duy Xuyên), vị Dương Phu nhân ở Lang Châu, Bà Giàng (Quế Trạch), Bà Giàng Phi (Mông Lãnh, Dưỡng Mông)... (24).

Ở đây, mối quan hệ giữa Bà Thu Bồn và Bà Phường Chèo rất đáng quan tâm. Từ kết quả khảo sát bước đầu, chúng tôi tạm phân định tính chất các vị nữ thần trong đời sống tín ngưỡng làng xã dọc lưu vực sông Thu Bồn thành các vị thiên thần, nhân thần. Tất cả nhằm khẳng định khả năng và các hình thức Việt hóa hữu hiệu của lớp lớp cư dân Việt di cư từ miền Bắc, suốt chiều dài lịch sử: 1) Phủ lớp áo văn hóa Việt lên trên những hiện tượng văn hóa tín ngưỡng bản địa, và 2) Từng bước hình thành nên những hiện tượng văn hóa tín ngưỡng Việt, nhưng cũng trên chính phong nền chung đó. Dân gian Quảng Nam đến nay vẫn lưu truyền phổ biến câu ca:

Bô Bô nói với Phường Chèo

Bên em, bên chị, bên nào thiêng hơn?

Đây chính là thái độ có tính nhị nguyên, hay lưỡng hợp trong đời sống tín ngưỡng tâm linh của cư dân Việt, từ thái độ *kính nhi viễn chi*, dần dần *kính như tại*; vừa muốn tôn vinh những giá trị Việt đặc thù nhưng vẫn *sợ*, cảm thấy *bất an*, *bất kính* với những giá trị văn hóa tâm linh bản địa phi Việt, tiền Việt vốn có sức sống bền chặt từ cội nguồn. Bà Phường Chèo, Bà Phiếm Ái, hay Bà Chợ Được, thực chất chỉ là một, mang đậm tính chất thuần Việt và cũng được kiến tạo theo đúng mô thức Việt, tương tự dạng thức Văn Cát thần nữ ngao du sơn thủy và các địa danh nói trên, gắn bó mật thiết với hành trạng của bà: nơi sinh ra, nơi dạo chơi, điểm giáng thế, nơi Bà từng dạy dân nghề nghiệp, hoặc chữa bệnh hay ban phát ân đức rộng rãi v.v... (25).

Tuy nhiên, cho dù có sự linh hiển, thiêng liêng đến mức độ nào, Bà Phường Chèo cũng

chỉ dám đứng một vị trí khiêm tốn so với Bà Mẹ Xứ Sở có tầm ảnh hưởng sâu rộng từ nghìn xưa: là cô em út, sắc phong chỉ ở bậc Trung đẳng thần, bà hoặc tín hữu của bà, tương truyền, từng mua cúng cho lệ bà Thu Bồn 01,7 mẫu ruộng mà hiện nay ở làng Thu Bồn vẫn còn hiện hữu danh xưng xứ ruộng Bà Phường Chèo.

Trong bối cảnh Bà Mẹ Xứ Sở hiện diện khắp nơi, người Việt ở Quảng Nam vẫn muốn Việt hóa ở mức cao nhất, trước hết là ở danh xưng, rồi đến những giai thoại, truyền thuyết để lý giải, tôn vinh sự linh thiêng huyền diệu của Bà, mang đậm màu sắc Việt. Dù được định danh bởi địa danh làng xã, như Bà Phường Rạnh, Bà Thu Bồn, Bà Chiêm Sơn..., thì tất cả, căn cứ theo tước vị sắc phong, văn tế, đều thống nhất *Bô Bô phu nhân*, *Thiên Y A Na*, *Diễn Phi Chúa Ngọc*, *Trang huy*, *Thượng Đẳng thần* (26).

Quá trình Việt hóa hình ảnh Bà Thu Bồn chắc chắn phải diễn ra từ rất sớm, căn cứ theo sử liệu, có thể dựa vào mốc son lịch sử 1306 khi hai châu Ô, Lý về với Đại Việt. Đến nay, Lệ Bà Thu Bồn đã trở thành một lễ hội lớn ở Quảng Nam và có thể nói sau hai trung tâm tín ngưỡng thờ Bà Mẹ Xứ Sở ở miền Trung (điện Huệ Nam ở Huế, Tháp Bà Poh Nagar ở Nha Trang), thì Lệ Bà Thu Bồn gắn liền với làng Bà Thu Bồn cũng trở thành một trung tâm có tầm ảnh hưởng sâu rộng, to lớn trong vùng. Lễ hội bà Thu Bồn, Bà Phường Chèo đều đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia từ năm 2020, từ những kết tinh giá trị truyền thống tinh hoa đặc trưng đó.

Bà Thu Bồn, Bà Phường Chèo, Bà Chợ Được, chỉ là những điển hình cho vấn đề tín ngưỡng thờ nữ thần trên dải đất miền Trung - địa bàn vốn mang nhiều lớp áo văn hóa mà trong những điều kiện cụ thể, cần thận trọng để từng bước bóc tách, phân tích nhằm góp phần phác họa nên những giá trị văn hóa đặc trưng. Hy vọng từ vùng đất Quảng Nam mang nhiều sử mệnh lịch sử và văn hóa suốt chiều

dài lịch sử, có thể làm cơ sở đối sánh trong một số vấn đề văn hóa tương tự ở miền Trung.

T.Đ.H

1 ... Từ bờ nam sông Đông An..., đến lỵ sở huyện Duy Xuyên..., đến núi xã Chiêm Sơn... có lăng bà Đoàn Huệ phi thời Hiếu Chiêu hoàng đế tiên triều... đến chợ Thu Bồn, phía tây chợ này có miếu Bồ Bồ (Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* [1806], Huế: Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, tr. 223 - 224).

2. Vô danh thị (2001), *Ô châu cận lục*, Dương Văn An nhuận sắc, tập thành, Trần Đại Vinh, Nguyễn Văn Phước tân dịch, hiệu chú, Huế: Nxb. Thuận Hóa, tr. 65 - 67.

3. Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, T.1 - *Phủ biên tạp lục* (bản dịch Viện Sử học), H.: Nxb. Khoa học xã hội, tr. 84 - 86.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2003), *Đông Khánh địa dư chí* (Ngô Đức Thọ d.), H.: Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Trường Cao học Thực hành Pháp & Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tập bản thảo, tài liệu chưa xuất bản, tr. 1456.

5. Núi Chúa (Ấn Sơn) nằm ở phía tây núi Tào Sơn chỗ giáp giới hai huyện Duy Xuyên và Quế Sơn, hình thể cao vót, đỉnh núi như hình cái ấn vuông sắc đỏ, nên gọi thế; lại có tên là núi Chúa vì trên núi có đền thờ bà Chúa Ngọc Tiên Nương. Tục truyền, chúa cõi mây lên châu thượng đế, mỗi khi trở về động thì trong động có ba tiếng như sấm vang (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, *Đại Nam nhất thống chí* [bản dịch của Viện Sử học], Huế: Nxb. Thuận Hóa, tập II, tr. 349 - 350; Cao Xuân Dục, (2003), *Đại Nam địa dư ước biên*, trong *Tuyển tập Cao Xuân Dục*, tập 4, Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, H.: Nxb. Văn học, tr. 90).

6. Phía hạ nguồn cũng hiện diện một vị thần uy linh tương tự là *Bồ Bồ Đại Vương* trên Cù Lao Chàm (đảo Đại Chiêm): “Đảo Đại Chiêm, nằm cách huyện Diên Phước 68 dặm về phía đông, ngất ngưỡng giữa biển, gọi là đảo Ngoạ Long, cũng gọi là hòn Cù Lao, có tên nữa là Tiêm Bút, tên cổ là Chiêm Bất Lao, làm trấn sơn cho cửa biển Đại Chiêm. Có ba ngôi đền: đền Phục Ba tướng quân, đền Tứ Dương hầu, đền Bích Tiên; có thuyết nói là

đền Cao Các Đại Vương, đền Phục Ba tướng quân, đền Bồ Bồ đại vương...” (*Đại Nam nhất thống chí*, tđđ, tập II, tr. 359).

7. Quốc sử quán triều Nguyễn (1961), *Đại Nam nhất thống chí: Quảng Nam* (Tu Trai Nguyễn Tạo d.), S.: Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục, tr. 55 - 56.

8. Có thể phác thảo diễn trình này theo các bước Poh Inur Nagar ⇒ Thiên Y A Na ⇒ Bà Mẹ Trời Đất/Xứ Sở ⇒ Thiên Mẫu ⇒ Thiên Mụ. Có thể tham khảo thêm:

- Nguyễn Thế Anh (2010), “Quá trình Việt hóa Bà chúa Chăm Pô Nagar”, *Nghiên cứu Huế*, Huế: Trung tâm Nghiên cứu Huế, tập 7, tr. 12 - 18.

- Trần Đình Hằng (2008), “Tiếp xúc văn hoá Việt - Champa ở miền Trung: nhìn từ làng xã vùng Huế”, *Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần III*, Hà Nội, 4-7/12/2008.

- Trần Đình Hằng (2008), “Từ Cô Gái Áo Xanh ở Ái Tử (Quảng Trị) đến Bà Trời Áo Đò ở Thiên Mụ (Huế): Sinh lộ tư tưởng của vùng đất mới Nam hà”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Thanh Hoá, 18-19/10/2008. H: Nxb. Thế giới, tr. 524 - 532.

9. Tham khảo thêm Tân Lâm, *Tìm hiểu về lễ hội Bà Thu Bồn* http://diendan.qnamuni.edu.vn/forum_posts.asp?TID=178&PN=1

10. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn, tổng Mậu Hòa, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Ký hiệu TT-TS FQ 40 18/XX, 13.

11. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn, tổng Mậu Hòa, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam*, tđđ, 8: Trả lời câu hỏi của Hội Folklore Đông Dương, của ông Lê Tám, tr. 752 - 754.

12. Đã có một số công trình, bài viết đề cập đến vấn đề này. Xem thêm:

- Nguyễn Xuân Hồng (2004), *Phong tục - Tập quán - Lễ hội Quảng Nam*, Quảng Nam: Sở Văn hoá Thông tin Quảng Nam xuất bản.

- Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng: Hình thái, đặc trưng và giá trị*, H. : Từ điển Bách khoa - Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam.

- Nguyễn Xuân Hương (2011), *Tín ngưỡng thờ Nữ thần của người Việt ở xứ Quảng (Quảng Nam - Đà Nẵng)*, Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.

13. Bao gồm: 01 sắc phong thời Minh Mạng, 02 sắc phong thời Thiệu Trị; 02 sắc phong thời Tự Đức; 01 sắc phong thời Thành Thái; 01 sắc phong thời Duy Tân; 01 sắc phong thời Khải Định.

14. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn*, Ký hiệu TT-TS FQ 40 18/XX, 8, tldd.

15. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn*, tldd: Trả lời câu hỏi của Hội Folklore Đông Dương, ông Bùi Nghĩa, 9.

16. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn*, tldd: Trả lời câu hỏi của Hội Folklore Đông Dương, 13, tr.788 - 791.

17. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn*, Ký hiệu TT-TS FQ 40 18/XX, 13, tldd.

18. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn*, Ký hiệu TT-TS FQ 40 18/XX, 13, tldd.

19. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn*, , Ký hiệu TT-TS FQ 40 18/XX, 8, tldd.

20. Thần tích thần sắc, *Làng Thu Bồn*, Ký hiệu TT-TS FQ 40 18/XX, 13, tldd.

21. Nguyễn Bội Bảo [Lộ] (1919), *Thần nữ linh ứng truyện* (Hồ Mộng Truân phụng duyệt), bản lưu tại lăng Bà Chợ Được. Bản dịch của Lê Đình Hùng, Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế, tháng 12-2015.

22. Có lẽ có sự nhầm lẫn ở đây bởi năm Cảnh Hưng 39 là Mậu Tuất (1778), còn năm Canh Thân (1800) phải Cảnh Hưng lục thập nhất niên - là năm Cảnh Thịnh thứ 8.

23. Salles., A (2002), "Di tích Chăm trong văn hóa dân gian Annam tại Quảng Nam", *B.A.V.H.*, 1923: 201 - 229, (Huế: Nxb. Thuận Hóa, t.X, tr. 221, 224.

24. *Xã chí Quảng Nam*, Tài liệu lưu trữ tại Viện Hán Nôm, mã số AJ, từ 1 đến 24.

25. *Thần nữ linh ứng truyện*, bản chữ Hán hiện lưu tại Viện Hán Nôm và bản dịch viết tay của Trung tâm Quản lý Di tích và Danh thắng Quảng Nam, không đề rõ người dịch, năm dịch, 7 trang.

26. Xem thêm:

- Cao Huy Đình (1964), *Tim hiểu thần thoại Ấn Độ*, (H.: Nxb. Khoa học xã hội, Tái bản năm 2003, trong *Cao Huy Đình, tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh* (H.: Nxb. Khoa học xã hội).

- Văn Đình Hy (1979), "Quá trình chuyển hóa từ Pô I - nư Nư - ga (Chàm) đến Thiên Y A Na (Việt)", (H.: Viện Văn học, Tạp chí *Văn học*, số 6, tr. 45 - 57.

- Ngô Văn Doanh (2009), *Tháp Bà Thiên Y A Na, hành trình của một Nữ thần* (Thành phố, Hồ Chí Minh, Nxb. Trẻ).

Trần Đình Hằng: Beliefs of Lady Thu Bồn and Lady Phường Chèo in the cultural life in Quang region

Quảng Nam is a strategic area on the way the Viet people were moving to the South. Especially, the roads connecting the mountains and the sea through Thu Bồn river have resulted in diverse, rich village cultural heritage in Quảng region. The cult of worshipping the goddess, typically Lady Thu Bồn, Lady Phường Chèo, Lady Chợ Được festivals, etc., reflect the process of cultural exposure, cultural exchange between Việt and non-Việt people in the particularly important land.

The sacrifice ritual, the traditional buffalo-eating custom of the ethnic minority communities in the Central region, animal sacrifice in Lady Thu Bồn ritual express sacred symbolic meanings and clearly reflect the long-time belief of worshipping Mother of the Thiên Y A Na Land who was the supreme goddess, unifying the management of mountains and sea, especially the important waterway of Thu Bồn river. Việt people quickly received, gradually transformed it, and created Việt goddesses who were humbly called "the youngest" through the image of Lady Phường Chèo, Lady Chợ Được. The sisterhood relation of these ladies has become a symbol of the friendship, cultural exchange, and acculturation in the Central region, typically in Quảng Nam.

Keywords: Goddess, Mother of the Thiên Y A Na Land, Lady Chúa Ngọc, Lady Bô Bô, Lady Thu Bồn, Lady Phường Chèo, Lady Chợ Được, cultural exposure, cultural exchange, non-Việt.